

**SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số: 431 /KSBT-KHNV

V/v Gửi hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm định giá gói thầu vật tư y tế, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế (Mời lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng dịch vụ

Căn cứ Luật đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Nghị định số 63/2014/ND-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Để có cơ sở xác định giá nhằm tổ chức xây dựng dự toán mua sắm theo đúng quy định của nhà nước, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng kính mời các đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật gửi hồ sơ chứng minh năng lực thực hiện thẩm định giá gói thầu vật tư y tế, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế tổng giá trị **835.486.350 đồng** của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng (danh mục đính kèm). Các đơn vị tham gia thực hiện gửi hồ sơ chứng minh năng lực, cụ thể:

- 1) Bảng chào giá (có chữ ký của người đứng đầu hoặc người đại diện được ủy quyền và đóng dấu của đơn vị).
- 2) Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp. Nhà thầu phải có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Tất cả hồ sơ được niêm phong. Bên ngoài ghi rõ thông tin của bên gửi và tên gói thầu. Mỗi đơn vị chỉ được gửi 01 hồ sơ.

Bên gửi hồ sơ năng lực đồng ý cho bên mời nộp hồ sơ năng lực được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các hồ sơ năng lực mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia nộp hồ sơ năng lực.

Các đơn vị gửi hồ sơ về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ: 54 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) **trước 14 h 00 ngày 08 tháng 5 năm 2023**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TCHC (để dán bảng thông báo);
- Khoa truyền thông (để thông báo trên website);
- Các khoa/phòng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu VT, TCKT, KHNV, NTKK.

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PHÙNG XUÂN BÁCH

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
5	Nhiệt kế điện tử	N6			Cái	3	Beurer	Trung Quốc	Mục đích sử dụng: Đo nhiệt độ cơ thể người, kèm: Bảo hành
6	Dầu que cấy tròn	N5		6 cm	Cái	10	VN	VN	Dầu que cấy tròn, thép không gỉ
7	Que xét nghiệm Spatula (que E)	N5		100 que/ gói	Que	1700	Lạc Việt	VN	- Mã sản phẩm: STL - Thương hiệu: Balac (Việt Nam) - Quy cách đóng gói: 100 que/ gói - Kích thước: 180 x 18 x 2 mm
8	Giấy thấm y tế	N5		20 cuộn/gói	Gói	20	Pulppy	VN	chiều cao 30cm, đường kính 15 cm

HÓA CHẤT

1	Brilliant Green Bile (B.G.B)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Enzymatic digest of casein 10.0; Lactose 10.0; Ox bile 20.0; Brilliant green 0.0133. pH 7.0-7.4
2	E.C Broth	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Tryptose 20; Lactose 5.0; Bile Salts 1.5; Dipotassium Phosphate 4.0; Monopotassium Phosphate 1.5; Sodium chloride 5.0.
3	Enterococcus agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	5	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Dạng bột/ hạt, ko vón cục. Tryptose 20; Yeast extract 5.0; dextrose 2.0; Dipotassium Phosphate 4.0; Sodium azide 0.4; agar 10; 2.3.5 triphenyl tetrazolium chloride 0.1
4	Plate count agar (PCA)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	8	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Enzymatic digest of casein 5.0; Yeast extract 2.5; D(+)Glucose 1.0; Agar-agar 14.0.

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
5	Pseudomonas Isolation agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	6	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Peptone 20; magnesium chloride 1,4; potassium sulfate 10; irgasan 25; agar 13,6
6	Brain Heart Infusion Agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	3	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: Brain Heart, Infusion from 6,0g; Peptic Digest of Animal Tissue 6,0g; Sodium chloride 5,0g; Dextrose 3,0g; Pancreatic Digest of Gelatin 14,5g; Disodium phosphate 2,5g
7	Azide dextrose broth	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: peptone from casein 15,0g, meat extract 4,3g, D(+)-glucose 7,5g, sodium chloride 7,5g, sodium azide 0,2g
8	Baird parker	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	3	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: pancreatic digest of casein 10,0g, beef extract 5,0g, yeast extract 1,0g, glycine 12g, sodium pyruvate 10,0g, lithium chloride 5,0g, agar 20,0g
9	Blood Agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	4	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: heart muscle, infusion from 2,0g, pancreatic digest of casein 13,0g, yeast extract 5,0g, sodium chloride 5,0g, agar 15,0g
10	Bromoresol purple (5',5"-Dibromo-o-cresolsulfonphthalein)	Không phân nhóm		Chai 5 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Công thức: $C_{21}H_{14}Br_2O_5S$
11	Acetamide	Không phân nhóm		Chai 100 g	Chai	3	Merck	Đức	Dạng hạt, không vón cục, C_2H_5NO , $M = 59,06g/mol$

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
12	Agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Dức/ Mỹ	Dạng bột/ hạt, không vón cục.
13	D (+) Glucose	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Dức/ Mỹ	Dạng bột/ hạt, không vón cục, $C_6H_{12}O_6 \cdot H_2O$; $M=198,17g/mol$
14	Laurylsulfate broth	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Dức/ Mỹ	Dạng hạt/bột, không vón cục. Ít bụi, màu vàng nhạt, pH 6,7-7,0. Enzymatic digest of animal and plant tissue 20.0; Lactose 5.0; Sodium chloride 5.0; Lauryl sulfate sodium salt 0.1; di-Potassium hydrogen phosphate 2.75; Potassium dihydrogen phosphate 2.75.
15	L-Tryptophan	Không phân nhóm		Chai 10 g	Chai	1	Merck	Dức	Dạng bột/ hạt, ko vón cục. Tinh khiết. Công thức: $C_{11}H_{12}N_2O_2$. Hàm lượng: $\geq 99,0\%$
16	MYP (Mannitol egg yolk polymyxin) agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Dức/ Mỹ	Dạng hạt/bột, không vón cục: beef extract 1.0; peptone 1.0; D-mannitol 1.0; sodiumchloride 1.0; phenol red 0.025; agar 1.5
17	Sodium sulfite (Natri sulfite)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck	Dức	Dạng bột/ hạt, không vón cục, Na_2SO_3
18	Sodium chloride	Không phân nhóm		Chai 1000g	Chai	2	Merck	Dức	Dạng bột/ hạt, không vón cục, NaCl. $M=58,44g/mol$
19	Peptone from casein, pancreatic digest	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Dức/ Mỹ	Dạng bột, không vón cục.

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
20	X.L.D (Xylose Lysine Deoxycholate) agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	4	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Dạng bột/ hạt, không vốn cục, Yeast extract 3,0; L-Lysine 5,0; Xylose 3,5; Lactose 7,5; Saccharose 7,5; Sodium desoxycholate 2,5; Ferric ammonium citrate 0,8; Sodium thiosulfate 6,8; sodium chloride 5,0; agar 13,5; phenol red 0,08
21	Lactose Sulfite (L.S) Broth	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Dạng bột/ hạt, không vốn cục. Môi trường nuôi cấy vi khuẩn Clostridium perfringens. Thành phần: Enzymatic Digest of Casein 5,0, Yeast Extract 2,5, Sodium Chloride 2,5, Lactose 10,0, L-Cysteine Hydrochloride 0,3, Disodium Disulfite, Anhydrous 0,75, Ammonium Iron(III) Citrate 0,625
22	Manitol Salt Phenol Red	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Dạng hạt/ bột, không vốn cục: beef extract 1,0; peptone from casein 5, Enzymatic digest of animal tissue 5; D-mannitol 10; sodiumchloride 75; phenol red 0,025; agar 12
23	Methyl Red	Không phân nhóm		Chai 25g	Chai	1	Merck	Đức	Dạng bột, màu đỏ-vàng, không vốn cục. $C_{12}H_{15}N_3O_2$
24	Methyl Red Voges Pros Kauer (MR-VP)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/ dạng bột, không vốn cục, tinh khiết. Thành phần: Pancreatic digest of casein 3,5g, peptic digest of animal tissue 3,5g, dextrose 5,0g, potassium phosphate 5,0g.
25	Kovac's Indole Reagent	Không phân nhóm		Chai 100 ml	Chai	3	Merck	Đức	dạng dung dịch, màu vàng, đựng trong chai thủy tinh tối màu. For microbiology (contains n-butanol, 4- dimethylaminobenzaldehyde)

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
26	Oxford listeria	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: Special peptone 23.0, Lithium chloride 15.0, Sodium chloride 5.0, Corn starch 1.0 Esculin 1.0, Ferric ammonium citrate 0.5, Agar 10.0, pH 7.0 +/- 0.2
27	Phenol red	Không phân nhóm		Chai 5g	Chai	2	Merck	Đức	Dạng bột, không vón cục. $(C_6H_5OH)_2C_6H_4SO_3$
28	Potassium Phosphate Monobasic (KH_2PO_4)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck	Đức	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. KH_2PO_4
29	Potassium Tellurite	Không phân nhóm	100g	Chai	Chai	2	Merck	Đức	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. K_2TeO_3
30	Pseudomonas Aeruginosa	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: peptone 20.0g, magnesium chloride 1.4g, potassium sulfate 10.0g, agar 12.6g.
31	Rappaport Vassiliadis Salmonella Enrichment Broth (RVS Broth)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: pancreatic digest of casein 4.54g, sodium chloride 7.2g, monopotassium phosphate 1.45g, magnesium chloride 13.4g, malachite green oxalate 0.036g
32	Di - Sodium Hydrogen phosphat (Na_2HPO_4)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	3	Merck	Đức	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Na_2HPO_4

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
33	Thiosulphat Citrat Bile Salt (T.C.B.S) agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merek/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: yeast extract 5.0g, proteose peptone 10.0g, sodium citrate 10.0g, sodium thiosulfate 10.0g, oxgall 18.0g, saccharose 20.0g, sodium chloride 10.0g, ferric ammonium citrate 1.0g, bromthymol blue 0.04g, thymol blue 0.04g, agar 15.0g.
34	Yeast Extract powder	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merek	Đức	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần:
35	Glycerol	Không phân nhóm		Chai 2500ml	Chai	2	Merek	Đức	Dạng dung dịch, tinh khiết. C ₃ H ₈ O ₃
36	Dichloran Glycerol (DG18) agar	Không phân nhóm		Chai 500g	Chai	1	Merek/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: Emzymmatic diges of casein 5.0g, D(+) Glucose 10g, Potassium dihydrogen phosphate 1.0g, Magnesium sulfate 0.5, Dichloran 0.002, agar 15.0
37	DRBC (Dichloran-rose bengal chloramphenicol) agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merek/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Màu hồng, sử dụng nuôi cấy vi khuẩn nấm mốc
38	Bile Salt Aesculine Agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merek/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: Disolver 51.65g, Peptone from casein 17.0g, yeast extract 5.0g, peptone 3.3g, oxbile dried 10.0g, sodium chloride 5.0g, aesculin 1.0g, ammonium iron III citrate 0.5g, sodium azide 0.15, agar 13.0

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
39	Violet Red Bile Glucose	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: Yeast Extract 3.0g, pancreatic digest of gelatin 7.0g, Bile salts 1.5g, Glucose 10.0g, sodium chloride 5.0g, neutral red 0.03g, crystal violet 0.002g, agar 15.0g
40	Columbia Agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết.
41	Thioglycollate Broth	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Môi trường dạng hạt, không vón cục. Môi trường nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí. Thành phần: Bacto caseitone 15.0g, Bacto yeast extract 5.0g, Bacto Dextrose 5.5g, Sodium chloride 2.5g, L-Cystine 0.5g, Sodium thioglycollate 0.5g.
42	Meat extract	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Dạng bột/ hạt, ko vón cục,
43	Staphylococcus enrichment broth	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục, tinh khiết. Thành phần: peptone from meat 8.0g, peptone from casein 2.0g, yeast extract 1.0g, meat extract 5.0g, sodium pyruvate 10.0g, glycine 12.0g, lithium chloride 5.0g.

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
44	Chromogenic coliform agar (CCA - Coliform Agar)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	4	Merck	Đức	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Thành phần: Enzymatic digest of casein 1.0, Yeast extract 2.0, Sodium chloride 5.0, Sodium dihydrogenphosphate dehydrate 2.2, di sodium hydrogenphosphate 2.7, tryptophan 1.0, sodium pyruvate 1.0, tergitol 70.15, sorbitol 1.0, agar 10.0; 6 chloro 3 indoxyl beta D galactopyranoside 0.2, isopropyl beta D thiogalactopyranoside 0.1, 5-bromo 4 chloro 3 indoxyl D glucuronic acid 0.1
45	Hektoent agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	5	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Peptone 15.0; Sodium chloride 5.0; Yeast extract 3.0; Sucrose 14.0; Lactose 14.0; Salicin 2.0; Sodium thiosulfate 5.0; Amonium iron(III) citrate 1.5; Bile salt mixture 2.0; Bromothimolblue 0.05; Fuchsin acid 0.08; Agar 13.5.
46	Tryptone sulfite cycloescine agar (TSC Agar)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	1	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt, không vón cục. Tryptone 15; papaie diges of soybean meal 5; yeast extract 5; sodium metabisulfate 1; ferric amonium citrate 1; bacteriological agar 15; pH 7,6±0,2
47	Bismutsulfite agar	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt, không vón cục. agar, môi trường nuôi cấy vi khuẩn Salmonella. Thành phần: 15 g/L bismuth ammonium citrate, 1.85 g/L, brilliant green, 0.025 g/L, disodium hydrogen phosphate, 4 g/L, D(+)-glucose, 5 g/L, iron(II) sulfate, 0.3 g/L, meat extract, 5 g/L, mixed peptone, 10 g/L, sodium sulfite, 6.15 g/L



STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (đự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
48	Muller-kauffmann tetrathionate-novobiocin broth (mktm)	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt, không vón cục. Môi trường màu xanh, nuôi cấy vi khuẩn Salmoneila. Thành phần: Meat extract 4.3, Enzymatic digest of casein 8.6, Sodium chloride 2.6, Calcium carbonate 38.7, Sodium thiosulphate (anhydrous) 30.5, Ox bile 4.78, Brilliant green 0.0096
49	Uire agar base	Không phân nhóm		Chai 500 g	Chai	2	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt, không vón cục. Môi trường sinh hóa cho vi khuẩn đường ruột. Thành phần: Peptone 1.000, Dextrose (Glucose) 1.000, Sodium chloride 5.000, Disodium hydrogen phosphate 1.200 Potassium dihydrogen phosphate 0.800, Phenol red 0.012, Agar 15.000
50	L-Lysine monohydrochloride	Không phân nhóm		Chai 10 g	Chai	3	Merck/ Difco	Đức/ Mỹ	Môi trường dạng hạt, không vón cục.
51	Dung dịch allylthioure (ATU) C4H8N2S	Không phân nhóm		Chai 25g	Chai	1	MERCK	ĐỨC	Dạng bột Tinh thể mịn màu trắng, mùi khó chịu Khối lượng mol: 116.19g/mol Điểm nóng chảy: 70-73 độ C Tinh tan trong nước :66g/l ở 20 độ C
52	Kali Cromat	Không phân nhóm		250gr/hộp	hộp	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột, màu vàng, đựng trong hộp nhựa

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
53	Phenol Phtalein	Không phân nhóm		25g/hộp	hộp	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột, màu trắng, dùng trong hộp nhựa
54	Water for chromatography	Không phân nhóm		Chai 2500 ml	chai	3	Merck	Đức	Spec. conductance at 25 °C ≤ 1; Ca (Canxi) ≤ 100 ppb; Al (Aluminium) ≤ 10 ppb; Fe (Sắt) ≤ 5 ppb; K (Kali) ≤ 10 ppb; Mg (Magie) ≤ 20 ppb; Na (Natri) ≤ 200 ppb; Any further metal (ICP-MS) ≤ 5 ppb; TOC ≤ 30 ppb; Evaporation residue ≤ 5 mg/l; Fluorescence (as quinine 254 nm) ≤ 1 ppb; Fluorescence (as quinine 365 nm) ≤ 0.5 ppb; Gradient grade (at 210nm) ≤ 5 mAU; Gradient grade (at 254 nm) ≤ 0.5 mAU; Gradient grade (basic absorption (210nm) ≤ 20 mAU; Chloride(Cl) ≤ 10 ppb; Nitrat ≤ 10 ppb; Phosphate(P04) ≤ 10 ppb; Sulfate(P04) ≤ 10 ppb
55	Potassium Sorbate	Không phân nhóm		1000mg/lọ	lọ	1	Merck	Đức	Dạng bột dùng trong chai thủy tinh tối màu; Chai 1000mg, Độ tinh khiết: ≥ 99.%, chloride (Cl-): ≤ 50 mg/kg; Ca: ≤ 50 mg/kg; Cd: ≤ 50 mg/kg; Co: ≤ 50 mg/kg; Cu: ≤ 50 mg/kg; Fe: ≤ 50 mg/kg; Na: ≤ 3000 mg/kg; Ni: ≤ 50 mg/kg; Pb: ≤ 50 mg/kg; Zn: ≤ 50 mg/kg

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
56	Kit kiểm tra nhanh Hân the	Không phân nhóm		Hộp 50test	Test	50	Hệ công an	Việt Nam	Kit kiểm tra nhanh giúp phát hiện nhanh hàn the trong một số mẫu thực phẩm
57	Kit kiểm tra nhanh Focmon	Không phân nhóm		Hộp 20 test	Test	20	Bộ công an	Việt Nam	Kit kiểm tra nhanh giúp phát hiện nhanh Focmon trong một số mẫu thực phẩm
58	Iron standard solution	Không phân nhóm		100ml/ chai	chai	1	Merck	Đức	Chai chuẩn bằng nhựa dạng lỏng, pha cho 1000ml Fe(NO ₃) ₃ in HNO ₃ 0.5 mol/l
59	Sulfate standard solution	Không phân nhóm		100ml/ chai	chai	1	Merck	Đức	Chai chuẩn bằng nhựa dạng lỏng, pha cho 1000ml Na ₂ SO ₄ . Khối lượng riêng: 0.998 g/cm ³ (20°C) Nồng độ: 990 - 1010 mg/l
60	Phosphate standard solution	Không phân nhóm		100ml/ chai	chai	1	Merck	Đức	Chai chuẩn bằng nhựa dạng lỏng, pha cho 1000ml Khối lượng riêng 0.998 g/cm ³ (20°C)
61	Magnesium oxide	Không phân nhóm		500g/ chai	chai	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết ≥97%
62	Methanol HPLC	Không phân nhóm		Chai 2.5L	chai	4	Merck	Đức	Dạng dung dịch: Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,8%, Dư lượng bay hơi ≤ 3,0 mg/l, Nước ≤ 0,03%, Màu ≤ 10 Hazen, Độ axit ≤ 0,0002 meq/g, Độ kiềm ≤ 0,0002 meq/g, Truyền (ở bước sóng 225 nm) ≥ 50%, Truyền (ở 240 nm) ≥ 80%, Truyền (từ 265 nm) ≥ 98%, được lọc bằng bộ lọc 0,2 μm.

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
63	Magnesium chloride hexahydrate	Không phân nhóm		500g/ chai	chai	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết $\geq 98\%$
64	Sodium acetate	Không phân nhóm		250g/ chai	chai	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết $\geq 99\%$
65	Potassium nitrate	Không phân nhóm		500g/ chai	chai	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết $\geq 99\%$
66	Nitrite standard solution	Không phân nhóm		100ml/ chai	chai	1	Merck	Đức	Chai chuẩn bằng nhựa dạng lỏng, pha cho 1000ml Khối lượng riêng 1.001 g/cm ³ (20 °C)
67	Potassium sodium tartrate tetrahydrate	Không phân nhóm		500G/Chai	chai	2	Merck	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết $\geq 99\%$
68	Chuẩn Caffein	Không phân nhóm		250mg/chai	chai	1	LGC Labor	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết $>99\%$
69	Ống chuẩn EDTA 0.01M	Không phân nhóm	0,01M	ống/ hộp	ống	1	Merck	Đức	ống chuẩn dạng lỏng Tỉ trọng: 1,04 g / cm ³ (20 ° C) giá trị pH: 7,8 (H ₂ O, 20 ° C)
70	Calcium Carbonate	Không phân nhóm		500g/ chai	chai	1	Merck	Đức	hóa chất dạng bột có độ tinh khiết $\geq 99\%$

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
71	Hydrochloric acid 37%	Không phân nhóm	37%	Chai 1 lít	chai	1	Merck	ĐỨC	Dạng dung dịch Tỷ trọng ở nhiệt độ 20°C 1,184±0,006 Hàm lượng clo tự do ≤ 30 ppm Hàm lượng sắt (quỹ vết Fe ⁺³) ≤ 2 ppm Hàm lượng axit clohydric (HCl) (37,0 ± 1) %
72	Acid sulfuric 95-97%	Không phân nhóm	95-97%	Chai 1000ml	Chai	1	Merck	ĐỨC	dung dịch Thử nghiệm (đo kiềm) 95,0 - 97,0%, Màu ≤ 10 Hazen, Mật độ (d 20/20) 1,834 - 1,837, Clorua (Cl) ≤ 0,1 ppm, Nitrat (NO ₃) ≤ 0,2 ppm, Phot phat (PO ₄) ≤ 0,5 ppm, Kim loại nặng (như Pb) ≤ 1 ppm, Ag (Bạc) ≤ 0,02 ppm, Al (nhôm) ≤ 0,05 ppm, As (Asen) ≤ 0,01 ppm, Ba (Bari) ≤ 0,05 ppm, Be (berili) ≤ 0,01 ppm, Bi (Bismuth) ≤ 0,1, Ca (Canxi) ≤ 0,2 ppm, Cd (Cadmium) ≤ 0,02 ppm, Co (Coban) ≤ 0,01 ppm, Cr (Chromium) ≤ 0,05 ppm, Cu (Đồng) ≤ 0,01 ppm, Fe (Sắt) ≤ 0,1, Ge (Germanium) ≤ 0,05 ppm, Hg (Thủy ngân) ≤ 0,005 ppm, K (Kali) ≤ 0,1, Li (Lithium) ≤ 0,01 ppm, Mg (Magie) ≤ 0,05 ppm, Mn (Mangan) ≤ 0,01 ppm, Mo (Molybden) ≤ 0,05 ppm, NH ₄ (Amoni) ≤ 2 ppm, Na (Natri) ≤ 0,5 ppm, Ni (Niken) ≤ 0,02 ppm, Pb (Chì) ≤ 0,02 ppm, Sr (Stronti) ≤ 0,02 ppm, Ti (Titan) ≤ 0,1, Tl (Thallium) ≤ 0,05 ppm, V (Vanadi) ≤ 0,01 ppm, Zn (Kẽm) ≤ 0,05 ppm, Zr (Zirconium) ≤ 0,1, Các chất khử kali pemanganat (như SO ₂) ≤ 2 ppm, Dư lượng khí đánh lửa ≤ 5 ppm
73	Silver nitrate solution 0,1N	Không phân nhóm	0,1N	hộp/ ống	Hộp	1	Merck	ĐỨC	Ông chuẩn bằng nhựa tối màu dạng lỏng, ống pha cho 1000ml. Khối lượng riêng: 1,27 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH: 7 - 9 (H ₂ O, 20 °C)

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (đự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
74	Nessler's reagent (Potassium mercury(II) iodide solution)	Không phân nhóm		Chai 100ml	Chai	3	Merck	ĐỨC	Dạng dung dịch, màu vàng, for ammonium salt (contains potassium hydroxide, potassium tetraiodomercurate)
75	Cobalt Chloride Hexahydrate $\text{CoCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$	Không phân nhóm	100g	CHAI 100g	Chai	1	Merck	ĐỨC	hóa chất dạng bột có độ thử nghiệm (đo độ phức tạp) 99,0 - 102,0%, Chất không hòa tan: $\leq 0,010\%$
76	Hydrazinium sulfate	Không phân nhóm	100g	CHAI 100g	Chai	1	Merck	ĐỨC	hóa chất dạng bột. Tỉ trọng: $1,37 \text{ g/cm}^3$ (20°C). Độ nóng chảy: 254°C . Giá trị pH: 1,3 (52 g/l , H_2O). Độ hòa tan: 30 g/l
77	Hexamethylenetetramine	Không phân nhóm	100g	CHAI 100g	Chai	1	Merck	ĐỨC	hóa chất dạng bột, thử nghiệm $>99,0\%$
78	Dung dịch chuẩn PH 4	Không phân nhóm	1000ml	Chai 1000ml	Chai	1	Merck	ĐỨC	Dạng dung dịch Giá trị pH: 4,0 (H_2O , 20°C) Khối lượng riêng: $1,01 \text{ g/cm}^3$ (20°C) Độ lệch pH (Delta pH) ở nhiệt độ khác nhau: $\pm 0,02$
79	Dung dịch chuẩn PH 7	Không phân nhóm	1000ml	Chai 1000ml	Chai	1	Merck	ĐỨC	Dạng dung dịch Giá trị pH: 7,0 (H_2O , 20°C) Khối lượng riêng: $1,01 \text{ g/cm}^3$ (20°C) Độ lệch pH (Delta pH) ở nhiệt độ khác nhau: $\pm 0,02$

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
80	Dung dịch chuẩn PH 10	Không phân nhóm	1000ml	Chai 1000ml	Chai	1	Merck	ĐỨC	Dạng dung dịch Giá trị pH: 10,0 (H ₂ O, 20°C) Khối lượng riêng: 1,01 g/cm ³ (20°C) Độ lệch pH (Delta pH) ở nhiệt độ khác nhau: ± 0,03
81	Acid Phosphoric đậm đặc	Không phân nhóm	1000ml	Chai 1000ml	Chai	1	Merck	ĐỨC	Hóa chất dạng lỏng, không màu, d=1,71kg, đựng trong chai thủy tinh tối màu, H3PO4
82	Indigo đỏ	Không phân nhóm	25g	Chai 25g	Chai	1	Merck	ĐỨC	Hóa chất dạng bột, màu đỏ cam, đựng trong hộp nhựa
83	Thuốc thử clo dư (Free chlorine)	Không phân nhóm	1 gói/ 0,12g	100 gói/hộp	Hộp	1	Hanna instruments (MS)	Romani	Thuốc thử để xác định clo dư trong nước sạch và nước ngọt - Sử dụng cùng với máy đo Hanna HI96701 đang dùng tại phòng nhận mẫu - Hạn sử dụng ít nhất 1 năm.
84	Buffered peptone water (BPW)	Không phân nhóm	500g	Chai 500g	Chai	2	Merck	ĐỨC	Môi trường dạng hạt/dạng bột, không vón cục. Peptone (includes Enzymatic Digest of Casein) 10g/l; NaCl 10g/l; Na2HPO4 x 12 H2O 9g/l; KH2PO4 1,5g/l; water n/a

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nguồn sản xuất	Mô tả kỹ thuật
85	Sodium Fluoride (NaF)	Không phân nhóm	96%	50Kg/Bao	Kg	150		Việt Nam	Hoa Strong, dùng bột trắng pha nồng độ 0,2%. Dùng để ngâm súc miệng ngừa sâu răng
86	Hovle's medium base	Không phân nhóm	500g	Chai 500g	Chai	1	Biomerex	Pháp	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật sử dụng trong phòng thí nghiệm, dùng bột hạt, không vón cục. Dùng trong hộp nhựa có nắp ván còn nguyên garanti. Thành phần: Peptide digest of animal tissue 10.000 Beef extract 10.000 Sodium chloride 5.000 Agar 15.000 pH (at 25°C) 7.8±0.2
87	Amies transport medium	Không phân nhóm	500g	Chai 500g	Chai	1	Biomerex	Pháp	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật sử dụng trong phòng thí nghiệm, dùng bột hạt, không vón cục. Dùng trong hộp nhựa có nắp ván còn nguyên garanti. Thành phần: Sodium Chloride 3.0 g Potassium Chloride 0.2 g Disodium Phosphate 1.15 g Sodium Thiosulfate 1.0 g Monopotassium Phosphate 0.2 g pH 7.3 ± 0.2 @ 25°C The following optional ingredient is available per liter of medium: Charcoal 10.0 g Calcium Chloride 0.1 g Magnesium Chloride 0.1 g Agar 4.0 g

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
88	Alpha-Cypermethrin (Fendona)	Không phân nhóm	chai 100ml	10SC	Chai	100	BASF	Pháp	Hóa chất diệt côn trùng, diệt muỗi, tằm màn phòng bệnh sốt rét. Đóng trong chai nhựa, có đủ nhãn mác, hướng dẫn của nhà sản xuất
89	Cloramin B	Không phân nhóm	25%	gói loại 1kg	Gói	20	Schulke CZ	Séc	Túi loại 1kg, dung dịch sát khuẩn bề mặt, khử khuẩn nước. Hàm lượng chlor hoạt tính 25%
90	Egg Yolk Tellurite Emulsion 20% Tellurite	Không phân nhóm	20% Tellurite	Chai 100 ml	Chai	2	Biolab	Hungary	Chai 100 ml. Dung dịch đựng trong lọ thủy tinh, màu vàng, đục 20% lòng đỏ trứng, có bổ sung Tellurite emulsion.
91	Egg yolk Emulsion	Không phân nhóm		Chai 100 ml	Chai	4	Biolab	Hungary	Dạng dung dịch đựng trong lọ thủy tinh, như tương ỏn định của lòng đỏ trứng sử dụng bỏ trong môi trường nuôi cấy.
92	Hydro peroxide 3%	Không phân nhóm	3%	Lọ 100ml	Lọ	3	Merck/ Difico	Đức/Mỹ	Dạng dung dịch, để thực hiện phản ứng Catalase, xác định cầu khuẩn.
III	SINH PHẨM CHỨNG VI SINH								
1	<i>Bacillus cereus</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
2	<i>Clostridium perfringens</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
3	<i>Enterococcus faecalis</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
4	<i>Escherichia coli</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
5	<i>Listeria monocytogenes</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
6	<i>Proteus vulgaris</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
7	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
8	<i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
9	<i>Salmonella typhimurium</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
10	<i>Staphylococcus aureus</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
11	<i>Mucor racemosus</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
12	<i>Citrobacter freundii</i>	Không phân nhóm		Bộ 2 gói	Bộ	1	Microbiologic s	Mỹ	một gói có 2 que tăm bông chứa chủng VSV
13	Đĩa giấy ONPG	Không phân nhóm	100µg	Lọ 20 đĩa	Lọ	1	Nam Khoa	Việt Nam	Test dạng khuôn giấy, O-NITROPHENYL-D-GALACTOPYRANOSIDE 100µg

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
14	Đĩa kháng sinh Penicillin	Không phân nhóm	6µg	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	Nam Khoa	Việt Nam	Đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ 6µg
15	Sterikon plus	Không phân nhóm	$5,0 \cdot 10^5 - 1,0 \cdot 10^7$	Hộp 15 ống	Hộp	10	Merck	Đức	Dạng dung dịch đựng trong lọ thủy tinh, số lượng bảo tử tồn tại trong trong mỗi ống $5,0 \cdot 10^5 - 1,0 \cdot 10^7$
16	Kháng huyết thanh Salmonella OMA	Không phân nhóm		Hộp 1 lọ 3ml	Hộp	1	Oxoid	Anh	Dạng dung dịch, để xác định vi khuẩn Salmonella
17	Kháng huyết thanh Salmonella OMB	Không phân nhóm		Hộp 1 lọ 3ml	Hộp	1	Oxoid	Anh	Dạng dung dịch, để xác định vi khuẩn Salmonella
18	Kháng huyết thanh Salmonella HMA	Không phân nhóm		Hộp 1 lọ 3ml	Hộp	1	Oxoid	Anh	Dạng dung dịch, để xác định vi khuẩn Salmonella
19	Kháng huyết thanh Salmonella HMB	Không phân nhóm		Hộp 1 lọ 3ml	Hộp	1	Oxoid	Anh	Dạng dung dịch, để xác định vi khuẩn Salmonella
20	Kháng huyết thanh Salmonella VI	Không phân nhóm		Hộp 1 lọ 3ml	Hộp	1	Oxoid	Anh	Dạng dung dịch, để xác định vi khuẩn Salmonella

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
IV	TRANG THIẾT BỊ CHẨN ĐOÁN IN VITRO								
1	Bộ kit phát hiện bệnh sốt xuất huyết bằng phương pháp ELISA	N3		96 test/ hộp	hộp	7	Serion	Đức	Hóa chất để định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể ở huyết tương chống lại vi rút Dengue, hộp ≥96 test
2	Hóa chất dùng để bán định lượng các hoạt động của Enzym A	N3		Hộp 2 ampoules x 5ml	Hộp	1	Biomerex	Pháp	Hóa chất chỉ thị màu dùng cho thành định danh, dạng dung dịch, 2 ống/hộp, thể tích mỗi ống 8ml
3	Hóa chất dùng để bán định lượng các hoạt động của Enzym B	N3		Hộp 2 ampoules x 5ml	Hộp	1	Biomerex	Pháp	Hóa chất chỉ thị màu dùng cho thành định danh, dạng dung dịch, 2 ống/hộp, thể tích mỗi ống 5ml.
4	NIT1 + NIT2 reagent	N3		Hộp 2 x 2 ampoules x 5ml	Hộp	1	Biomerex	Pháp	Dạng dung dịch, đựng trong lọ nhựa có nắp vận còn nguyên garanti.

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hang sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
5	McFARLAND STANDARD	N3		Hộp 6 ống	Hộp	1	Biomerex	Pháp	Hộp gồm 6 ống chuẩn McFarland (0,5, 1, 2, 3, 4, 5) có đường kính 17,75mm. thuốc thử dùng thực hiện xác định độ đục của vi khuẩn trong thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ. Đạt tiêu chuẩn ISO
6	Bộ API Coryne (Đại định danh vi khuẩn Corynebacterium bằng phương pháp thủ công)	N3		Bộ 12 ống + 24 media	Bộ	1	Biomerex	Pháp	Thí định danh bằng nhựa, có 36 giếng xét nghiệm sinh hóa đã có hóa chất môi trường.
7	AST/GOT	N3	Hộp / 8 x 50g	Hộp / 8 x 50ml	Hộp	2	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
8	ALT/GPT	N3	Hộp / 8 x 50g	Hộp / 8 x 50ml	Hộp	2	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
9	Cholesterol	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
10	Triglyceride	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
11	Glucose	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
12	Uric Acid	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
13	Creatine	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
14	HUMATROL N	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng
15	HUMATROL P	N3	Hộp / 4x 40g	Hộp / 4x 40ml	Hộp	1	Human	Đức	Dung dịch lỏng, màu trắng

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
16	Papanicolaou 1a (Hematoxylin) (MERK)	N3	500ml	Chai 500ml	Chai	6	Merck	Đức	Dung dịch lỏng, màu tím
17	Papanicolaou 2a (Orange) (OG 6)	N3	500ml	500ml/chai	Chai	4	Merck	Đức	Dung dịch lỏng, màu cam
18	Papanicolaou 3b (EA 50)	N3	500ml	500ml/chai	Chai	4	Merck	Đức	Dung dịch màu xanh lá cây
19	Dầu soi kính (MERK)	N3	500ml	500 ml/chai	Chai	2	Merck	Đức	Dung dịch không tan trong nước màu trắng.
20	E-Z Cleanser	N3	Hộp 50ml x2	Hộp 50ml x2	Hộp	1	Teco Diagnostics	Mỹ	Dung dịch lỏng, màu xanh da trời. Mã hàng: H1000-E100
21	Probe cleanser	N3	Hộp 50ml x2	Hộp 50ml x2	Hộp	1	Teco Diagnostics	Mỹ	Dung dịch lỏng, màu trắng. Mã hàng: H1000-F204
22	CFL Lyse	N3	500ml	Chai 500ml	Chai	1	Teco Diagnostics	Mỹ	Dung dịch lỏng, màu trắng. Mã hàng: H1000-C0.5
23	Rinse	N3		Thùng 20 lit	Thùng	1	Teco Diagnostics	Mỹ	Dung dịch lỏng, màu trắng. Mã hàng: H1000-B20

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
24	Diluent	N3		Thùng 20 lít	Thùng	1	Teco Diagnostics	Mỹ	Dung dịch lỏng, màu trắng, Mã hàng: H1000-A20
25	Dung dịch Lugol 3%	N5	3%	500 ml/chai	Chai	26	Việt Nam	Việt Nam	Thành phần: Lugol 3% Chai 500ml, sử dụng trong xét nghiệm tế bào để phát hiện các tế bào vảy bất thường của biểu mô âm đạo và biểu mô cổ tử cung
CÔNG CỤ, DỤNG CỤ									
V									
1	Nhiệt ẩm kế cơ	Không phân nhóm			Cái	10	OEM	Hàn Quốc	Bảng thép không gỉ, kính bảo vệ, chữ số lớn dễ đọc Đường kính: 127mm Dây: 19,5mm Do nhiệt độ trong phạm vi từ: -20 đến -100 °C Đo độ ẩm từ: 20-100 Rel.%
2	Dụng cụ ghi thời gian, đếm thời gian	Không phân nhóm		1 cái/ hộp	Cái	6	Việt Nam	Việt Nam	5128 BlueSteel. Vô kim loại được đánh bóng và lớp phủ cao su. Đặt thời gian đếm ngược từ 99 phút, 59 giây xuống còn 1 giây với độ chính xác 0,01%. Các phím có kích thước lớn và màn hình cỡ 1 inch
3	Chén nung sứ chịu nhiệt	Không phân nhóm			Cái	20	Việt Nam	Việt Nam	Chén nung chịu được nhiệt lên đến 1000 độ, dung tích 25ml, đường kính 4cm
4	Chén nung bằng thủy tinh borosilicat thiết kế	Không phân nhóm			Cái	10	Việt Nam	Việt Nam	Loại độ xốp P160< cỡ lỗ từ >100µm đến <160 µm đường kính 40mm dung tích 70ml

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
5	Chai thủy tinh nắp nhựa xanh	Không phân nhóm		Dung tích 500ml, 10 cái/hộp	Cái	20	DURAN	ĐỨC	Chất liệu: Thủy tinh, kết cấu sợi - Dung tích: 500ml; Đường kính cổ: Chiều cao: 181mm - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chủ trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, chịu nhiệt tốt. Nắp vận xanh nhựa PP, và vòng đệm PP. - Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C. - Đăng ký nhãn hiệu độc quyền của DURAN®
6	Chai thủy tinh nắp nhựa xanh	Không phân nhóm		Dung tích 1000ml, 10 cái/hộp	Cái	10	DURAN	ĐỨC	Chất liệu: Thủy tinh, kết cấu sợi - Dung tích: 1000ml; Đường kính Chiều cao: 230mm - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chủ trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, chịu nhiệt tốt. Nắp vận xanh nhựa PP, và vòng đệm PP. - Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C. - Đăng ký nhãn hiệu độc quyền của DURAN®
7	Rổ inox	Không phân nhóm			Cái	20	CT. TNIII An Nam	Việt Nam	Chất liệu inox. Kích thước 70x22x22 cm
8	Ống Durham	Không phân nhóm		100 cái/bịch	Cái	300	Iwaki	Nhật	Thủy tinh trong suốt, chịu được nhiệt độ 170
9	Đèn cồn thủy tinh	Không phân nhóm		100ml	Cái	3	Duran	Đức	Đèn cồn làm bằng thủy tinh soda-lime. Có nắp đậy bằng thủy tinh, 100ml, cỡ bắc

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
10	Bình cầu thủy tinh	Không phân nhóm		500ml	Cái	10	Duran	Đức	Dung tích: 500ml. Đường kính thân: 85mm - Đường kính cổ: 34mm - Chiều cao: 130mm - Dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng mực trắng, độ bền cao. - Dây bằng giúp bình có thể đứng mà không cần vòng chân đế. - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao. - Bình có đường kính cổ từ 26 mm trở lên được gia cố thêm vành. Dung tích 500ml, N50
11	Bình cầu thủy tinh	Không phân nhóm		2000ml	Cái	5	Duran	Đức	Dung tích: 2000ml. Dây bằng giúp bình có thể đứng mà không cần vòng chân đế. - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao.
12	Màng lọc cellulose ester	Không phân nhóm		100 cái/hộp	Hộp	12	Advantec	Nhật	Mã: A045H047A. Màn lọc vi sinh MCE xanh trơn và kẻ sọc Đường kính: 47mm Kích cỡ lỗ: 0.45µm. Hộp 100 cái.
13	Màng lọc cellulose ester	Không phân nhóm		100 cái/hộp	Hộp	5	Advantec	Nhật	Mã: A020H047A. Màn lọc vi sinh MCE xanh trơn và kẻ sọc Đường kính: 47mm Kích cỡ lỗ: 0.22µm. Hộp 100 cái.

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
14	Túi đựng mẫu tiệt trùng Baglight	Không phân nhóm		500 cái/hộp	Hộp	5	Interscience	Interscience -Pháp	132050, thể tích 400ml, hộp 500 cái, box dimensions: 38x21.5x11cm, max weight: 4.7kg
15	Chai trung tính, GL 45	Không phân nhóm			Cái	30	Duran	Đức	Chất liệu: Thủy tinh, kết cấu sợi - Dung tích: 500ml; Đường kính cổ: Chiều cao: 181mm - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, chịu nhiệt tốt. - Nắp vận xanh nhựa PP, và vòng đệm PP. - Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C.
16	Chai trung tính, GL 45	Không phân nhóm			Cái	20	Duran - Đức	Duran - Đức	Chất liệu: Thủy tinh, kết cấu sợi - Dung tích: 1000ml; Đường kính cổ: Chiều cao: 230mm - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, chịu nhiệt tốt. - Nắp vận xanh nhựa PP, và vòng đệm PP. - Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C.
17	Chổi rửa chai duran	Không phân nhóm			Cái	20	VN	VN	Cước mềm, màu trắng, dài 40cm, Thân chổi không rỉ sét.



STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
18	Chổi rửa ống nghiệm Ø 18	Không phân nhóm			Cái	20	VN	VN	Cước mềm, màu trắng, Ø 18, dài 30cm, Thân chổi không rỉ sét.
19	Chổi rửa ống nghiệm Ø 12	Không phân nhóm			Cái	20	VN	VN	Cước mềm, màu trắng, Ø 12, dài 20cm, Thân chổi không rỉ sét.
20	Ống nghiệm Ø 18	Không phân nhóm			Cái	100	VN	VN	thủy tinh, chịu nhiệt độ 170, có nắp vặn, Ø 18, 6x30mm.
21	Ống nghiệm Ø 16	Không phân nhóm			Cái	200	VN	VN	thủy tinh, chịu nhiệt độ 170, có nắp vặn, Ø 16, 16 x 1,5cm
22	Bộ lọc thủy tinh	Không phân nhóm	đựng tích phễu 300ml	Cái	5	Rocker	Taiwan		Phễu lọc thủy tinh Borosilicate dung tích phễu 300ml, Đế tựa phễu thủy tinh Borosilicate hỗ trợ màng lọc thủy tinh Sintered. Kẹp nhôm Anodized, Lọc Adaptor nhựa PP, Chai đựng- Thủy tinh Borosilicate dung tích 1000ml. Đường kính lọc 47mm, Vòng lọc hiệu quả 9,6cm ² , kích thước ống 5/16 inch(8mm), Model VF12.
23	Dây thun trung	Không phân nhóm	Gói 0,5 kg	Gói	2	VN	VN		3cm. Được làm từ nguyên liệu cao su thiên nhiên tạo ra sợi dây thun dẻo dai đàn hồi tốt
24	Dây thun lớn	Không phân nhóm	Gói 0,5 kg	Gói	2	VN	VN		4cm, Được làm từ nguyên liệu cao su thiên nhiên tạo ra sợi dây thun dẻo dai đàn hồi tốt

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (đợt kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
25	Cá từ	Không phân nhóm		3cm	Con	10	VN	VN	Là một nam châm được bọc chất dẻo teflon, vỏ bọc mang tính chất từ không dính bẩn và ăn mòn bởi dung dịch.
26	Gia để ống nghiệm	Không phân nhóm		Cái 50 lỗ	Cái	100	VN	VN	Thiết không rỉ, dài 23, rộng 12cm, cao 10cm, 50 lỗ
27	Cá từ	Không phân nhóm		5cm	Cái	4	Q & Q	Nhật	Là một nam châm được bọc chất dẻo teflon, vỏ bọc mang tính chất từ không dính bẩn và ăn mòn bởi dung dịch. Dài 5 cm
28	Giấy lọc không tro	Không phân nhóm		Hộp 100 cái	Hộp	2	Whatman	Anh	Giấy lọc không tro đường kính 110mm
29	Màng lọc Cenlulose Acetate	Không phân nhóm		Hộp 100 cái	Hộp	2	Whatman	Anh	Đường kính: 47mm. Lỗ lọc: 0.45µm. Độ dày: 115 µm. Code: 7000-0004. Mạng lọc cellulose acetate, được làm từ cellulose acetate tinh khiết. Chất liệu: Cenlulose Acetate. độ bền cơ học cao, màng lọc có thể được dùng đến 180 độ.
30	Bình tam giác	Không phân nhóm			Cái	30	Duran	Đức	Bình tam giác chia vạch dung tích 250ml, miệng thẳng, đường kính miệng 4cm
31	Giấy lọc tinh HPLC	Không phân nhóm		200 cái/hộp	Hộp	1	Whatman	Anh	Lỗ lọc: 0,22µm, đường kính:13mm.



STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
32	Ống silicon cho máy bơm chân không Rocker	Không phân nhóm			Ống	2	Dài Loan	Dài Loan	dường kính trong 6mm, đường kính ngoài 11mm, chiều dài 1m
33	Bộ lọc tiếp không gỉ dùng cho máy Rocker	Không phân nhóm		Bộ 1 vị trí	Bộ	1	Rocker	Dài Loan	Dường kính lọc: 47mm, phễu không gỉ 300ml, lưới lọc hỗ trợ tiếp không gỉ, đế hỗ trợ tiếp không gỉ, nút silicon số 16, Bảo vệ chống tràn, Bình chứa PC 1200ml, Vùng lọc hiệu quả: 9.6cm ²
34	Quả bóp cao su	Không phân nhóm		bịch / cái	cái	10	Việt Nam	Việt Nam	Quả bóp cao su dưới chuyệt - Quả bóp cao su 1 van Đặc điểm: Thể tích: 90ml Đường kính: 60mm Chất liệu: cao su, có tính đàn hồi tốt, chịu hóa chất ăn mòn
35	Bộ phân phối mẫu Dispenser Hirschmann	Không phân nhóm		hộp/ cái	cái	1	Hirschmann	Đức	ỐNG ĐỊNH LƯỢNG TỰ ĐỘNG GẮN ĐẦU CHAI 5-30ml
36	Bộ phân phối mẫu Dispenser (Dispenser mate plus-Buret Optifix)	Không phân nhóm		1 cái/hộp	Cái	1	Phoenix instrument	ĐỨC	- Dung tích: 1-10ml; Vạch chia: 0.2ml - Chế tạo bằng vật liệu chống hóa chất - Có thể hấp tiệt trùng toàn bộ ở 121°C - Hiệu chỉnh thể tích rót mẫu nhanh và dễ dàng - Cung cấp kèm theo adapter GL25: 45/25mm

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/hàm lượng	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
37	Giấy lọc thô	Không phân nhóm		Tờ	Tờ	50	TQ	TQ	Kích thước 60cm x 60cm
38	Ống nghiệm có nắp vận	Không phân nhóm			Cái	150	DURAN	ĐỨC	Thủy tinh, chịu nhiệt độ cao, có nắp vận đen 18x180mm 32ml GL18 . Nắp vận và phía trong có lớp đệm cao su bằng PTFE đặc biệt, đáy siêu kín, chịu hóa chất và chịu nhiệt lên đến 140 độ C. Ống nghiệm làm bằng thủy tinh cao cấp, kháng hóa chất, trong suốt chịu nhiệt, chuyên dùng cho phòng lab thí nghiệm, dùng môi trường vi sinh....
39	Pipet	Không phân nhóm			Cái	5	Việt Nam	Việt Nam	Pipet bầu, dung tích 3ml, vạch màu xanh, một vạch dưới
40	Đĩa petri	Không phân nhóm		đường kính 70mm	Cái	600	Duran	Đức	Đĩa petri thủy tinh cấy vi sinh chịu được nhiệt độ 170 độ trong 1 giờ, đường kính 70mm
41	Bảng keo chỉ thị nhiệt hấp khô	Không phân nhóm			cuộn	3	Aptaca	Ý	Tiết trùng sấy khô,
VI	TRANG THIẾT BỊ, MÁY MÓC, PHỤ KIỆN								
1	Máy lạnh 1 chiều	Không phân nhóm			Bộ	1	Sharp	Thái Lan	Công suất làm lạnh: 2 HP - 18.000 BTU
2	Thiết bị theo dõi nhiệt độ tự động Fridge-tag 2E	Không phân nhóm			Cái	8	Berlinger	Thụy sĩ	Fridge-tag 2E; Mã PQS E006/040

STT	Tên hàng hóa, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, chủng vi sinh, trang thiết bị y tế	Nhóm TCKT (dự kiến)	Nồng độ/ hàm lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Mô tả kỹ thuật
3	Đồng Phục Kho Lạnh	Không phân nhóm			Bộ	3	Việt Nam	Việt Nam	Chất liệu may bằng vải dù chống thấm, bền trong lót vải nilon, lông cứu được ép trước khi may, dây 4-5 lớp, Khả năng chịu nhiệt -25 độ C đến -40 độ C
4	manu-CART® cartridge column holder,	Không phân nhóm		hộp/cái	hộp	2	Merck	Đức	Mã: 1.51486.0001. Sử dụng cho cột C18 của Merck (Mã 1.50359.001) RP-18 endcapped
5	Tiền cột cho C18, Purospher STAR	Không phân nhóm		10 cái/hộp	Hộp	1	Merck	Đức	Mã: 1.50250.0001. Sử dụng cho cột C18 của Merck (Mã 1.50359.001) RP-18 endcapped